

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST.
Ngày 27-6-2022.
V/v tranh chấp hợp đồng ứng vốn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự- là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về ứng vốn trồng mía”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần A; địa chỉ: Tổ 2, ấp TL, xã TH, huyện TC, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật bà Huỳnh Bích N – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của bà N – Ông Nguyễn Văn K– chức vụ: Q. Giám đốc KNN

Đại diện theo ủy quyền lại của ông K: Ông Phạm Văn T- sinh năm 1985. Địa chỉ: 192/4B khu phố NA phường N, thành phố T, tỉnh T- vắng mặt có đơn xin.

Bị đơn:

- Anh Lê Hữu B, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp TL (nay là ấp TS), xã Đ, thị xã TB, tỉnh T- Vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai;

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1958. Nơi ĐKKHKT: ấp TL (nay là ấp TS), xã Đ, thị xã TB, tỉnh T. Tạm trú: ấp PN, xã Pi, huyện Di, tỉnh T- vắng mặt có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Ngày 02-3-2013 Công ty cổ phần A (sau đây gọi tắt là công ty) có ký hợp ứng vốn với anh Lê Hữu B và ông Lê Văn C. Theo đó, Công ty ứng vốn cho anh B trồng và chăm sóc mía vụ mùa năm 2013-2014 với số tiền ký trên hợp đồng là 114.000.000 đồng, nhưng thực tế công ty đã ứng vốn cho anh B 137.010.000 đồng. Công ty đã giao vốn cho anh B bằng tiền mặt là 91.600.000 đồng và phần còn lại đã nhận bằng phân bón xong. Thời hạn cuối trả tiền vốn là khi kết thúc vụ mía trên thực tế chứ không ghi ngày cụ thể. Sau khi kết thúc vụ mía anh B trả tiền còn nợ lại tiền gốc là 106.516.849 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26-6-2018 là 57.343.022 đồng; lãi phát sinh đến ngày 19-5-2020 là 129.231.243 đồng.

Tại đơn khởi kiện công ty yêu cầu anh B và ông C phải trả lại cho Công ty cổ phần A trả số tiền gốc là 106.516.849 đồng; tiền lãi tính đến ngày 19-5-2020 là 129.231.243 đồng; tổng cộng là 235.748.092 đồng; yêu cầu anh B và ông C thanh toán toàn bộ số tiền trên 01 lần vào ngày bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực. Ngày 22-6-2022, đại diện công ty có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: không yêu cầu ông C có trách nhiệm liên đới cùng anh B thanh toán tiền nợ cho công ty và công ty xin rút lại yêu cầu đối số tiền lãi phạt 104.546.287 đồng và yêu cầu anh B thanh toán toàn bộ số tiền trên 01 lần vào ngày bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Hữu B đã được Tòa án: Tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C trình bày thể hiện trong hồ sơ: Ông là cha ruột của anh B. Ông không có ký hợp đồng ứng vốn trồng mía với công ty cổ phần A. Mà hợp đồng này là do con trai ông là anh B ký và trồng mía. Ông không biết gì về việc anh B ký hợp đồng và trồng mía với công ty cổ phần A cả. Ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của công ty.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện

đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn, bị đơn ông C đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh B đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự vắng mặt suốt thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án không lý do.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 357, 385 BLDS 2015; Điều 244 BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A tranh chấp hợp đồng ứng vốn đối với anh Lê Hữu B. Buộc anh Lê Hữu B có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần A số tiền gốc 106.516.849 đồng và tiền lãi suất chậm trả 24.685.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A, về việc yêu cầu ông Lê Văn C liên đới với anh B để trả nợ và số tiền 104.547.000 đồng.

- Về án phí: anh Lê Hữu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: anh Lê Hữu B vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; ông Lê Văn C và anh Phạm Văn Tình vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tình, anh B, ông C là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của công ty: Tại đơn khởi kiện công ty yêu cầu anh B và ông C phải trả lại số tiền gốc là 106.516.849 đồng; tiền lãi tính đến ngày 19-5-2020 là 129.231.243 đồng; tổng cộng là 235.748.092 đồng. Ngày 22-6-2022, đại diện công ty có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: không yêu cầu ông C có trách nhiệm liên đới cùng anh B thanh toán tiền nợ cho công ty và xin rút lại yêu cầu đối số tiền lãi phạt 104.546.287 đồng.

Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của đại diện công ty là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A, về việc yêu cầu anh B trả lại tiền đầu tư trồng mía với số tiền gốc là 106.516.849 đồng; tiền lãi tính đến ngày 19-5-2020 là 129.231.243 đồng; tổng cộng là 235.748.092 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án và không cung cấp lời

khai, Tuy nhiên theo hợp đồng hợp đồng ứng vốn về việc trồng và chăm sóc mía số HĐ 2013DT2397 ngày 02-3-2013; lệnh giao phân ngày 20-3-013; phiếu đề nghị giải ngân tiền mặt ngày 08-4-2013; văn bản yêu cầu trả nợ theo các hợp đồng ứng vốn ngày 28-6-2018 mà hai bên đã ký và kết luận giám định số 3375/C09B ngày 27-7-2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký trong những văn bản trên là do anh B ký ra, như vậy việc ký kết hợp đồng ứng vốn trồng mía giữa anh B và công ty là có thật. Căn Cứ vào văn bản yêu cầu Trả nợ ngày 28-6-2018, anh B đã xác nhận tiền gốc là 106.516.849 đồng và tiền lãi là 57.343.022 đồng và hẹn đến ngày 03-12-2018 sẽ trả hết nợ nhưng quá thời hạn mà anh không trả. Theo quy định tại Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005, cũng như Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 đều quy định: “1. Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”. Như vậy, anh B có trách nhiệm phải trả cho công ty số tiền là 163.859.871 đồng. Tuy nhiên, tại đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của đại diện công ty chỉ yêu cầu anh B có trách nhiệm trả cho công ty số tiền 131.201.805 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với yêu cầu của công ty yêu cầu anh B thanh toán toàn bộ số tiền 131.201.805 đồng 01 lần vào ngày bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực, đây là giai đoạn thi hành án và thẩm quyền thực hiện thuộc cơ quan Thi hành án, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Như vậy, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 131.201.805 đồng x 5% = 6.565.000 đồng; Công ty cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 290, Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 227; 228; 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A.

Buộc anh Lê Hữu B có trách nhiệm trả cho công ty cổ phần A số tiền 131.201.805 (một trăm ba mươi một triệu hai trăm lẻ một nghìn tám trăm lẻ năm) đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần A đối với ông Lê Văn C và yêu cầu anh B trả số tiền lãi phạt 104.546.287 đồng.

3. Về án phí:

Anh Lê Hữu B phải chịu số tiền 6.565.000 đồng (sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại công ty cổ phần A số tiền 5.893.000 đồng (bằng chữ: Năm triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014809 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

4. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy